TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DMC** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05- 9 -2019
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thiều Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự;

2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên toà: Ông Võ Công Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm: 1970. Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Tân Th, xã Tân T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc V; sinh năm: 1968. Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Tân Th, xã Tân T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú : Ấp Ninh A, xã Bàu N, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-3-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày:

Bà và ông V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm sống, ông V có quan hệ với người phụ nữ khác, ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Bị đơn ông Phạm Ngọc V trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chỉ là quan hệ xã hội không phải là quan hệ nam nữ bà T không thông cảm hay ghen nên ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Có 03 con Phạm Quốc Th, sinh năm: 1990; Phạm Thị Bích N, sinh năm: 1992; Phạm Quốc L, sinh năm: 1994. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh có ý kiến như sau:

Về Tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về Tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do xem như ông V từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà T và ông V chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn đối chiếu theo quy định của pháp luật thì không công nhận là vợ chồng. Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết và tại phiên Toà hôm nay, ông V đã được cấp, tống đạt hợp lệ thông báo, văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như ông V từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông V.

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Bà T và ông V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định"; Điều 9 quy định "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý'' và tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 còn quy định "... Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".

Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: có 03 (ba) con tên Phạm Quốc Th, sinh năm: 1990; Phạm Thị Bích N, sinh năm: 1992; Phạm Quốc L, sinh năm: 1994. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh đề nghị không công nhận quan hệ hôn nhân của bà T và ông V là vợ chồng. Về con chung: Phạm Quốc Th, sinh năm: 1990; Phạm Thị Bích N, sinh năm: 1992; Phạm Quốc L, sinh năm: 1994, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy đề nghị này có cơ sở chấp nhận.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của bà Lê Thị Thu T và ông Phạm Ngọc V là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 03 (ba) con Phạm Quốc Th, sinh năm: 1990; Phạm Thị Bích N, sinh năm: 1992; Phạm Quốc L, sinh năm: 1994. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015138 ngày 18-3-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA